

**CÔNG TY TNHH LÀNG NGHỀ MÂY TRE VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LÀNG NGHỀ MÂY TRE VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502454235

**3. Ngày thành lập:** 10/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 1, Ấp 5, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0937381338

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác                                                                | 4933     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)   | 4659     |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                   | 4229     |
| 4.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                      | 4291     |
| 5.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                               | 4292     |
| 6.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                         | 4293     |
| 7.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan) | 2592     |
| 8.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại<br>(Doanh nghiệp cam kết chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                        | 2591     |
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                             | 4101     |
| 10. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                       | 4102     |
| 11. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                  | 4212     |
| 12. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                      | 4221     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động chống thấm, chống ẩm công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4390        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, lắp đặt giàn giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329        |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, gạch xây các loại, gạch con sâu (gạch bê tông tự chèn lát vỉa hè), gạch Terazzo vữa khô trộn sẵn, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663        |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730        |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4211        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất lục bình (bèo tây)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1629(Chính) |
| 26. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0220        |
| 27. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0321        |
| 28. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2391        |
| 29. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>Chi tiết: Sản xuất gạch con sâu (gạch bê tông tự chèn lát vỉa hè), gạch Terazzo, các loại gạch bê tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2393        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất gạch con sâu (gạch bê tông tự chèn lát vỉa hè), gạch Terazzo, các loại gạch bê tông, sản xuất gạch từ chất thải rắn                                                                                                                             | 2395 |
| 31. | Trồng cây lâu năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0129 |
| 32. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0132 |
| 33. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0231 |
| 34. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, Bán buôn các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 4649 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4931 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LIÊN VĨ LẬP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/04/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079070014460

Ngày cấp: 02/03/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 416/9 Gia Phú, Phường 03, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 416/9 Gia Phú, Phường 03, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Thời gian đăng từ ngày 10/05/2021 đến ngày 09/06/2021

